

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/2024/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày ... tháng ... năm 2024

Dự thảo lần 3

NGHỊ QUYẾT

Quy định số lượng, chức danh; một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động, mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Hội Người cao tuổi ở cấp xã, ở thôn, khu phố và Tổ Dân vận ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định số lượng, chức danh; một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động, mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Hội Người cao tuổi ở cấp xã, ở thôn, khu phố và Tổ Dân vận ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định số lượng, chức danh; một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động, mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Hội Người cao tuổi ở cấp xã, ở thôn, khu phố và Tổ Dân vận ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố;
3. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố;
4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Hội Người cao tuổi ở cấp xã, ở thôn, khu phố và Tổ Dân vận ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Điều 3. Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức khoán quỹ phụ cấp và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Số lượng:

Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tính theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau:

- Loại I là 14 người
- Loại II là 12 người;
- Loại III là 10 người.

b) Chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí như sau:

| S TT | Chức danh | Số lượng (người) | | |
|---------|---|------------------|------------|------------|
| | | Loại 1 | Loại 2 | Loại 3 |
| 1 | Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam | 1 | 1 | 1 |
| 2 | Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh | 1 | 1 | 1 |
| 3 | Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ | 1 | 1 | 1 |
| 4 | Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh | 1 | 1 | 1 |
| 5 | Phó Chủ tịch Hội Nông dân (nơi có tổ chức Hội Nông dân) | 1 | 1 | 1 |
| 6 | Phó Chỉ huy trưởng Quân sự | 1 | 1 | 1 |
| 7 | Chủ tịch Hội Người cao tuổi | 1 | 1 | 1 |
| 8 | Phụ trách Nhà Văn hóa- Đài truyền thanh | 1 | 1 | 1 |
| 9 | Cán bộ Văn phòng Đảng ủy | 1 | 1 | 1 |
| 10 | Nhân viên Thú y cấp xã | 1 | 1 | 1 |
| 11 | Phó Chủ tịch Hội Người Cao tuổi | 1 | 1 | Kiểm nhiệm |
| 12 | Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ | 1 | 1 | Kiểm nhiệm |
| 13 | Trưởng ban Tổ chức | 1 | Kiểm nhiệm | Kiểm nhiệm |
| 14 | Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra | 1 | Kiểm nhiệm | Kiểm nhiệm |
| 15 | Phó Trưởng ban Tuyên giáo- Dân vận | Kiểm nhiệm | Kiểm nhiệm | Kiểm nhiệm |

c) Đối với các phường, thị trấn không có tổ chức Hội Nông dân thì được bố trí thêm 01 (một) chức danh kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp; cụ thể:

- + Cấp xã loại I: Chức danh Phó Trưởng ban Tuyên giáo- Dân vận;
- + Cấp xã loại II: Chức danh Trưởng ban Tổ chức;
- + Cấp xã loại III: Chức danh Phó Chủ tịch Hội Người cao tuổi.

2. Tăng thêm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nếu có các tiêu chuẩn sau:

Căn cứ số lượng đơn vị hành chính cấp xã có quy mô dân số (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi) và diện tích tự nhiên tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm lớn hơn so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 và Nghị quyết số 27/2022/NQ-UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính, để tính số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm như sau:

a) Đơn vị hành chính cấp xã cứ tăng thêm đủ 1/2 (một phần hai) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách;

b) Ngoài việc tăng thêm người hoạt động không chuyên trách theo quy mô dân số quy định tại điểm a khoản này, thì đơn vị hành chính cấp xã cứ tăng thêm đủ 100% mức quy định về diện tích tự nhiên được tăng thêm 01 người hoạt động không chuyên trách.

3. Bố trí chức danh:

a) Hàng năm, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện; UBND cấp huyện căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh về số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, chức danh quy định tại khoản 1 Điều này và tình hình thực tế của địa phương, bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng đơn vị hành chính cấp xã.

b) Trường hợp xã, phường, thị trấn được giao số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã nhiều hơn số lượng chức danh quy định tại khoản 1 Điều này (theo quy định tại khoản 5 Điều 33, Nghị định 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ), thì việc bố trí tăng thêm người ở một số chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã do UBND cấp huyện quyết định, theo yêu cầu, nhiệm vụ, nhưng đảm bảo không vượt quá tổng số người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã của cả đơn vị hành chính cấp huyện được HĐND tỉnh giao (ưu tiên bố trí số lượng người tăng thêm để hưởng phụ cấp cho các chức danh đang kiêm nhiệm quy tại điểm b Khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này).

4. Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng (bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế).

Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đã tham gia đóng Bảo hiểm xã hội tại các cơ quan, đơn vị khác hoặc không thuộc đối tượng tham gia đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc sẽ được hưởng mức phụ cấp thực lĩnh (sau khi đã trừ đi mức đóng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế theo quy định).

b) Ngân sách tỉnh hỗ trợ thêm để bảo đảm tương quan hợp lý với mức lương bậc 1 của công chức cấp xã có cùng trình độ đào tạo (theo quy định tại Khoản 3, Điều 34, Nghị định số 33/2023/NĐ-CP); cụ thể:

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có trình độ đại học trở lên được hưởng mức phụ cấp hàng tháng 0,84 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có trình độ cao đẳng được hưởng mức phụ cấp hàng tháng 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có trình độ trung cấp hưởng mức phụ cấp hàng tháng 0,36 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

c) Mức phụ cấp hỗ trợ tại điểm b khoản này không được tính để đóng Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế.

d) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã không thuộc đối tượng nêu trên (có trình độ dưới trung cấp) hưởng mức phụ cấp hàng tháng theo điểm a, khoản 4 Điều này (*hưởng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng; bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế*).

5. Mức khoán quỹ phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (ngân sách Trung ương thực hiện khoán quỹ phụ cấp bao gồm cả hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế); cụ thể:

a) Đơn vị hành chính cấp xã loại I được khoán quỹ phụ cấp bằng 21,0 lần mức lương cơ sở;

b) Đơn vị hành chính cấp xã loại II được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,0 lần mức lương cơ sở;

c) Đơn vị hành chính cấp xã loại III được khoán quỹ phụ cấp bằng 15,0 lần mức lương cơ sở;

d) Đối với đơn vị hành chính cấp xã có số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã tăng thêm theo quy định tại khoản 2 điều này, thì tổng mức khoán quỹ phụ cấp được tính tăng thêm tương ứng bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người hoạt động không chuyên trách tăng thêm.

6. Trường hợp các xã, phường, thị trấn sau khi đã bố trí hết chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định mà còn dư số lượng người được giao, thì phần phụ cấp khoán cho số người dư đó (hệ số 1,5 lần mức lương cơ sở/01 người) được sử dụng để tính tăng thêm thu nhập đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đang được bố trí. Mức thu nhập tăng thêm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã bằng tổng mức khoán phụ cấp cho số người được giao còn dư, chia trung bình cho tổng số người đang được bố trí.

7. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, khu phố, mà giảm được 01 (một) người trong số lượng được giao, thì được hưởng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm (theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ). Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

Điều 4. Quy định mức khoán kinh phí, mức hỗ trợ kinh phí:

1) Mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị- xã hội ở cấp xã (gồm: Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Cựu chiến binh; Hội Nông dân) mức khoán kinh phí hoạt động được quy định theo phân loại đơn vị hành chính cấp xã; cụ thể:

+ Xã, phường, thị trấn loại I: 42.000.000đ/tổ chức/năm

+ Xã, phường, thị trấn loại II: 36.000.000đ/tổ chức/năm

+ Xã, phường, thị trấn loại III: 30.000.000đ/tổ chức/năm

Mức khoán kinh phí hoạt động nêu trên không bao gồm tiền lương, phụ cấp đối với cán bộ cấp xã; phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố và mức hỗ trợ hàng tháng đối với các tổ chức đoàn thể ở thôn, khu phố.

2) Mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Hội Người Cao tuổi ở cấp xã: 25.000.000 đồng/01 đơn vị/năm.

Điều 5. Quy định chức danh, mức phụ cấp, mức khoán quỹ phụ cấp; một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Chức danh, mức phụ cấp, mức khoán quỹ phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố:

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố có không quá 03 chức danh (bao gồm: Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn hoặc Trưởng khu phố, Trưởng ban Công tác Mặt trận) được hưởng phụ cấp hàng tháng theo qui định tại khoản 6 Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ; cụ thể:

DVT: Hệ số/mức lương cơ sở/người/tháng

| S TT | Thôn, khu phố | Mức khoán quỹ phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố (hệ số) | Trong đó | | |
|---------|--|---|--|--|--|
| | | | Bí thư Chi bộ thôn, khu phố | Trưởng thôn hoặc Trưởng Khu phố | Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, khu phố |
| 1 | Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; Khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; Thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành khu phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị; thôn, khu phố thuộc cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. | 6.0 | 2.1 | 2.1 | 1.8 |
| 2 | Đối với thôn và khu phố không thuộc quy định nêu trên | 4.5 | 1.6 | 1.6 | 1.3 |

2. Trường hợp người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở cấp xã, ở thôn, khu phố mà giảm được 01 (một) người trong số lượng người được giao, thì được hưởng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm (theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ). Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

Điều 6. Số lượng, chức danh, mức hỗ trợ, mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố và mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị- xã hội, Hội Người Cao tuổi, Tổ Dân vận ở thôn, khu phố.

1. Số lượng, chức danh:

Mỗi thôn, khu phố bố trí tối đa không quá 09 người/12 chức danh (đối với thôn, khu phố loại I) và 08 người/11 chức danh (đối với thôn, khu phố còn lại) được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố và chỉ áp dụng đối với (một trong) các chức danh sau:

Phó Bí thư Chi bộ; Tổ trưởng Tổ Dân vận; Kế toán; Nhân viên Y tế; Cộng tác viên Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Bảo vệ chăm sóc trẻ em; Bí thư Đoàn Thanh niên; Phó Trưởng thôn (khu phố) được bố trí tại các thôn, khu phố loại I; Cộng tác viên thú y thôn (khu phố); Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ; Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh; Chi hội trưởng Chi hội Người Cao tuổi; Chi hội trưởng Chi hội Hội Nông dân.

2. UBND cấp huyện căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan và đặc thù của từng cấp xã, từng thôn, khu phố, lựa chọn các chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố (được quy định tại khoản 1 Điều 6), để bố trí cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, nhưng phải bảo đảm không vượt quá tổng số lượng người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố của cả đơn vị hành chính cấp xã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giao.

3. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố:

a) Mức hỗ trợ hàng tháng đối với Phó Trưởng thôn; Phó Trưởng khu phố (chỉ áp dụng đối với thôn, khu phố loại I) được hưởng 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Mức hỗ trợ hàng tháng đối với các chức danh còn lại được hưởng 0,6 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

c) Mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố:

Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố khi kiêm nhiệm chức danh trực tiếp tham gia hoạt động khác ở thôn, khu phố, mà giảm được 01 (một) người trong số lượng được giao, thì được hưởng 100% mức hỗ trợ quy định của chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ.

4. Mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị- xã hội ((gồm: Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ; Hội Cựu chiến binh; Hội Nông dân), Hội Người Cao tuổi, Tổ Dân vận ở thôn, khu phố: 15.000.000 đồng/năm/tổ chức.

Điều 7. Các nội dung khác

1. Các nội dung khác đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh không được quy định ở Nghị quyết này thì thực hiện theo quy

định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Khi các văn bản dẫn chiếu quy định tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới, thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 8. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp hàng tháng, phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, khu phố; mức hỗ trợ hàng tháng, mức hỗ trợ kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố; mức khoán kinh phí hoạt động; mức hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các tổ chức đoàn thể ở thôn, khu phố do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

3. Bãi bỏ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc quy định số lượng, chức danh; một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, khu phố và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Bắc Ninh về việc kiện toàn, củng cố mạng lưới chăn nuôi và thú y cơ sở trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2006 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Đề án kiện toàn mạng lưới thú y cơ sở.

4. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ... thông qua ngày ... tháng năm 2024. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH; Chính phủ (/b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- TTTU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND, tỉnh;
- Sở, Ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- H.ủy, Th.ị ủy, Th.ủy, TT.HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo; Đài PT-TH tỉnh; Báo BN;
- Công TTTĐT tỉnh; TTXVN tại BN;
- Lưu: VT, CVP, phòng CT.HĐND.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hương Giang